

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT

Ngày: 15-02-2023

Về việc Tranh chấp
hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Thẩm phán:

Ông Lương Văn Hùng.

Ông Nguyễn Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”,

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm 16, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Công ty C (sau đây viết là AB).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh H – Quyền Tổng giám đốc

Địa chỉ: Tầng XX, nhà XX, đường H, quận C, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; chức vụ: Phó Giám đốc AB - Chi nhánh Đà Nẵng; địa chỉ: Số XX, đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 522/UQ-AB-TKPC ngày 10-02-2023).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Chị Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm XX, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Hoàng L: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm XX, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, Văn bản ủy quyền ngày 25-01-2021, ngày 04-5-2022.

3.3. Anh Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2005;

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc Tường V: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm XX, thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Ngân hàng N (sau đây viết là A).

Địa chỉ: Số XX đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của A: Bà Dương Thị Minh N; địa chỉ: Số XXX, đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, (Theo Văn bản ủy quyền số 14/GUQ-NHNo.ST ngày 14-02-2023).

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn R, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

5. Người kháng cáo: Bà Võ Thị Thu H là nguyên đơn;

Tại phiên tòa: Bà H, ông H có mặt; bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông R vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-8-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Thu T, Chị Nguyễn Thị Hoàng L; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc Tường V) bà Võ Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn A kết hôn ngày 30-6-1984 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1985; Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1993; Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2005.

Ngày 09-10-2018, ông Nguyễn A có vay của A - Chi nhánh huyện S số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10%/năm, trả lãi hàng tháng, trả gốc chia theo kỳ. Cùng ngày, ông Nguyễn A có mua bảo hiểm tín dụng cho khoản vay 100.000.000 đồng tại AB với mức phí 630.000 đồng, thời hạn bảo hiểm từ ngày 09-10-2018 đến ngày 09-10-2019, phạm vi (điều kiện) hưởng bảo hiểm “*tử vong do bệnh tật kể từ thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và trong thời hạn bảo hiểm*”, nếu xảy ra sự kiện pháp lý trên thì số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản là 70.000.000 đồng, người thụ hưởng thứ nhất là A, người thụ hưởng thứ hai là bà.

Ngày 26-3-2019, ông Nguyễn A chết. Ngày 22-8-2019, AB chi trả tiền bảo hiểm là 31.814.000 đồng; A trừ vào số tiền gốc là 26.930.221 đồng và tiền lãi là 4.884.779 đồng. Theo Quy tắc bảo hiểm thì ông A thuộc trường hợp “*bị các bệnh lý khác ngoài quy định trên nên AB phải chi trả 100% số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản*” là 70.000.000 đồng, vậy quyền lợi của người mua bảo hiểm vẫn còn được hưởng 38.186.000 đồng (70.000.000 đồng – 31.814.000 đồng).

Vì vậy, bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty C trả cho bà số tiền 41.989.325 đồng, trong đó tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản là 38.186.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 22-8-2019 đến ngày 22-8-2020 là 3.803.325 đồng.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn AB (do ông Nguyễn Thanh H đại diện) trình bày:

Ngày 09-10-2018, ông Nguyễn A tham gia bảo hiểm Bảo an tín dụng tại AB, số tiền bảo hiểm là 70.000.000 đồng; người thụ hưởng thứ nhất là A, người thụ hưởng thứ hai là bà Võ Thị Thu H; điều khoản bảo hiểm: Quy tắc Bảo hiểm Bảo an tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 3131/2013/QĐ-AB-PHH ngày 18-12-2013 của AB đã được Bộ Tài chính phê chuẩn (sau đây viết là Quy tắc Bảo an tín dụng). Ông A đã đóng phí bảo hiểm đầy đủ. Ngày 26-3-2019 ông A chết.

Căn cứ các biên bản xác minh, làm việc của AB với vợ ông Nguyễn A là bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn R là em ruột của ông A và hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện C do gia đình ông Nguyễn A cung cấp cũng như AB thu thập xác định vào ngày 19-10-2018, ông A điều trị tại Bệnh viện C bệnh bạch cầu dạng tủy cấp (AML-M1) - mã bệnh C92.0 (tức ung thư máu).

Theo Quy tắc Bảo hiểm Bảo an tín dụng thì trường hợp của ông A bị tử vong do bệnh ung thư máu không được điều trị trong vòng 02 năm trước ngày mua bảo hiểm nên AB chi trả 50% số tiền bảo hiểm theo quyền lợi bảo hiểm cơ bản, cụ thể: Quyền lợi cơ bản là 35.000.000 đồng (50% số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản); quyền lợi bảo hiểm lãi vay là 350.000 đồng; giảm trừ bảo hiểm (10%) là 3.535.000 đồng (ông A chết ngày 26-3-2019, ngày AB nhận được giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm Bảo an tín dụng bằng văn bản là ngày 15-7-2019, quá 30 ngày theo quy định, nên AB áp dụng giảm trừ 10% quyền lợi bảo hiểm cơ bản và quyền lợi lãi vay); chi mai táng phí là 1.000.000 đồng; tổng số tiền chi trả là 32.815.000 đồng. Vì vậy việc AB thực hiện chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm cơ bản, giảm trừ 10% (quyền lợi bảo hiểm cơ bản và quyền lợi bảo hiểm lãi vay) cho gia đình người được bảo hiểm là đúng quy tắc, điều khoản giao kết, do đó AB không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, AB tự nguyện hỗ trợ bà H số tiền 3.535.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

3. Ngân hàng N ủy quyền cho bà Dương Thị Minh N: Không có ý kiến trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” về việc buộc Công ty C trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền 38.454.325 đồng (*ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C về việc hỗ trợ cho bà Võ Thị Thu H số tiền 3.535.00 đồng (*ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

3. Bà Võ Thị Thu H phải chịu chi phí giám định là 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Công ty C đã nộp tạm ứng số tiền 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) nên bà Võ Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty C số tiền 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.922.716 đồng (*một triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm mười sáu đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006432 ngày 15-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bà H còn phải nộp thêm số tiền 872.983 đồng (*tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng*).

Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

** Ngày 07 tháng 10 năm 2022, bà Võ Thị Thu H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết: Sửa án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị AB chi trả 100% số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản cho ông Nguyễn A, người thụ hưởng là bà Võ Thị Thu H là 100%. AB đã chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm; đề nghị AB tiếp tục chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm còn lại.

Đối với giá trị 50% quyền lợi bảo hiểm chi trả, AB giảm trừ 10% vì lý do bà yêu cầu chi trả bảo hiểm quá 30 ngày kể từ ngày phát sinh quyền lợi bảo hiểm là không đúng sự thật khách quan. Việc chậm trễ xuất phát từ Bảo hiểm AB và nhân viên của bảo hiểm AB. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, đề nghị AB thanh toán toàn bộ quyền lợi bảo hiểm không trừ 10% do chậm trễ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí: buộc bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đại diện theo ủy quyền của A là bà Dương Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa, có Đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn R được triệu tập làm chứng, nhưng ông R vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn R.

[2] Ngày 09/10/2018, ông Nguyễn A tham gia bảo hiểm Bảo an tín dụng tại Công ty C (viết tắt AB), theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số BAE+18+1287303; thời hạn bảo hiểm có hiệu lực từ ngày 09/10/2018 đến 09/10/2019; số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản 70.000.000 đồng; người thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S (sau đây gọi là Ngân hàng Nông nghiệp) tương ứng với dư nợ khoản vay; người thụ hưởng còn lại: Võ Thị Thu H tương ứng số tiền chi trả còn lại (bút lục 169). Bà H và Ngân hàng Nông nghiệp xác nhận, AB đã chi trả bảo hiểm là 31.815.000 đồng; số tiền AB chi mai táng phí khi ông Nguyễn A chết là 1.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết không cần chứng minh. Đồng thời xác định số tiền AB đã chi trả: 50% của số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản cộng với 350.000 đồng bảo hiểm lãi vay, trừ đi 10% giảm trừ bảo hiểm vì bảo hiểm cho rằng bà H nộp hồ sơ quá thời hạn quy định tại Quy tắc bảo hiểm.

[3] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Thu H: Đề nghị AB tiếp tục chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm còn lại.

[3.1] Tại Biên bản làm việc ngày 16/01/2023 với Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, bà H xác nhận các nội dung:

"Ông Nguyễn A chết ngày 26/3/2019.

Trước đó vào ngày 12/10/2018 ông Nguyễn A đã nhập vào Bệnh viện C, tại thành phố Hồ Chí Minh, ông A sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của ông Nguyễn R là em ruột của ông Nguyễn A, số thẻ bảo hiểm y tế 4515120570817 để nhập vào bệnh viện C để điều trị bệnh, đến ngày 17/10/2018, bác sỹ bệnh viện C cho ông

A xuất viện. Con gái của bà H và ông Nguyễn A là chị Nguyễn Thị Hoàng L là người đưa cha là ông Nguyễn A nhập bệnh viện C để điều trị bệnh.

Ngày 07/03/2019, ông Nguyễn A đã nhập vào Bệnh viện Trung ương Huế, sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của ông Nguyễn R là em ruột của ông Nguyễn A, số thẻ bảo hiểm y tế 4515120570817 để nhập vào bệnh viện và điều trị bệnh, đến ngày 26/03/2019 gia đình xin đưa ông Nguyễn A về nhà vì lúc này ông Nguyễn A đã phải thở ô xy, sau khi đưa ông A về đến nhà thì gia đình rút bình ô xy, ông A chết. Tại Bệnh viện Trung ương Huế bà Võ Thị Thu H là người chăm sóc, nuôi ông A ở bệnh viện.

Khi ông Nguyễn A phải vào bệnh viện chữa trị bệnh gia đình chưa mua bảo hiểm y tế cho ông Nguyễn A, nên ông Nguyễn R đã cho ông Nguyễn A mượn thẻ bảo hiểm y tế của ông Nguyễn R, số thẻ bảo hiểm y tế 4515120570817".

Khai nhận của bà H đúng với các tài liệu có tại Bệnh án của Bệnh viện C (Bút lục 300, 303), vì có tên của chị Nguyễn Thị Hoàng L là con của ông A, bà H tại mục: Họ tên địa chỉ của người thân để liên lạc; Bệnh án của Bệnh viện Trung ương Huế năm 2019 (bút lục 258 đến 263), Bệnh án Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 425 đến 452) và với khai nhận của ông Nguyễn R (bút lục 456) là người đã cho ông Nguyễn A mượn thẻ bảo hiểm y tế để đến khám, điều trị bệnh tại các bệnh viện nêu trên. Do đó, đủ cơ sở xác định ông Nguyễn A đã nhập viện điều trị các bệnh viện bằng thẻ bảo hiểm y tế của ông Nguyễn R, bệnh án của ông Nguyễn R chính là của ông Nguyễn A.

[3.2] Bệnh án của Bệnh viện C xác định bệnh nhân ông Nguyễn R có bệnh chính “C92.0 bệnh bạch cầu dạng tủy cấp (ALM-M1)” và Công văn số 1109/BVCR-KHTH ngày 29-6-2021 của Bệnh viện C xác định “Bệnh viện C có tiếp nhận và điều trị bệnh nhân Nguyễn R ... vào viện ngày 12-10-2018, ra viện ngày 17-10-2018, ...chẩn đoán C92.0 – Bạch cầu cấp dòng tủy M1. Đây là bệnh lý ung thư”; Công văn số 1334/SYT-NVY ngày 17-6-2021 của Sở Y tế Quảng Ngãi gửi Tòa án thì bệnh: “C92.0 bệnh bạch cầu dạng tủy cấp (ALM-M1)” là bệnh ung thư máu.

Ngày 19/02/2019, ông Nguyễn R nhập viện cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi, bệnh viện đã điều trị cho ông Rê “Bệnh chính: Bạch cầu cấp”, bệnh kèm theo: viêm phổi, suy gan, suy liệt nặng” (Bút lục 407, 423).

Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ngày 06/3/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi chuyển tuyến cho Nguyễn R cũng đã chẩn đoán “Bệnh bạch cầu cấp loại tế bào không xác định, suy mòn, suy gan, viêm phổi...(bút lục 260)”.

Bệnh án của Bệnh viện trung ương Huế ngày 07/03/2019 (Bút lục 258 đến 263), Phiếu kết quả xét nghiệm chẩn đoán lâm sàng “TD bạch cầu cấp” và tại mục chẩn đoán lúc vào viện “Bạch cầu cấp, U phổi, suy gan”; Chẩn đoán lúc ra viện “Bệnh chính: Shock nhiễm trùng, viêm phổi, bạch cầu cấp” và mục bệnh lý và diễn biến lâm sàng có nội dung “Bệnh nhân bị tiền sử bạch cầu cấp...sau cấp cứu có mạch trở lại, hôn mê sâu Glasgow3 điểm, mạch 70-80l/P, huyết áp:

OmmHG, gia đình xin đưa bệnh nhân về, cho bệnh nhân về theo nguyện vọng gia đình lúc 14 giờ 30 phút ngày 26/03/2019 - tình trạng người bệnh ra viện: nặng hơn". Như vậy, Bệnh án của Bệnh viện Trung ương Huế cũng xác định ông Nguyễn R bị "Bạch cầu cấp".

Trên cơ sở 03 bệnh án của 03 bệnh viện nêu trên, kết luận ông Nguyễn R, thực chất là ông Nguyễn A bị rất nhiều bệnh, trong đó có bệnh "*Bạch cầu cấp – ung thư máu*".

Giám định pháp y trên hồ sơ số 245/GĐHS ngày 19-8-2022 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Quảng Ngãi kết luận "*Bệnh nhân chết do nguyên nhân: Bệnh bạch cầu cấp gây suy đa phủ tạng*". Do đó, đủ cơ sở xác định ông Nguyễn A chết do nguyên nhân: Bệnh bạch cầu cấp gây suy đa phủ tạng.

[3.3] Bà H yêu cầu buộc AB tiếp tục chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm còn lại cho bà H trên cơ sở hồ sơ bệnh án của Bệnh viện trung ương Huế. Hội đồng xét xử thấy rằng, Bệnh án của Bệnh viện Trung ương Huế, thể hiện đã điều trị nhiều bệnh cho ông Nguyễn A trong đó có bệnh bạch cầu cấp (ung thư). Như vậy, khai nại của bà H cho rằng ông A, khi điều trị tại Bệnh viện Trung ương Huế không bị ung thư là không có cơ sở. Mặt khác, bà H không chứng minh được ông A không bị ung thư, ông A chết vì bị một bệnh lý khác ngoài bệnh ung thư.

[3.4] Theo quy định tại Khoản 7.2.2 Mục 7.2 Điều 7 Chương II Quy tắc Bảo an tín dụng thì "*...người được bảo hiểm bị tử vong/tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do các bệnh lý không được điều trị trong vòng 02 năm trước ngày tham gia bảo hiểm, bao gồm: Ung thư, suy tim, viêm tắc động mạch,...AB sẽ chi trả 50% số tiền bảo hiểm theo quyền lợi cơ bản*". Như vậy, ngày 09/10/2018 ông A tham gia bảo hiểm đến ngày ông A chết 26/3/2019, là mới 5 tháng 17 ngày, như vậy, chưa được 2 năm và nguyên nhân ông A chết vì bệnh lý ung thư, nên AB chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm cơ bản là đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H với nội dung: Đề nghị AB tiếp tục chi trả 50% quyền lợi bảo hiểm còn lại.

[4] Xét kháng cáo của bà H về việc: Đề nghị AB thanh toán quyền lợi bảo hiểm không trừ 10% vì lý do bà yêu cầu chi trả bảo hiểm quá 30 ngày.

[4.1] Bà H không chứng minh được việc bà H chậm nộp hồ sơ yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm là do nhân viên của bảo hiểm AB và do bảo hiểm AB. Nên không chấp nhận khai nại của bà H.

[4.2] Tại Giấy yêu cầu bảo hiểm bảo an tín dụng ngày 09/10/2018 (bút lục 170), bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là ông Nguyễn A, phần cam kết của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, ông Nguyễn A đã cam kết "*đã đọc kỹ Quy tắc bảo hiểm bảo an tín dụng và được nghe AB giải thích đầy đủ...*", đồng thời bà H xác nhận bà H và ông A đã nhận Quy tắc bảo an tín dụng sau khi mua bảo hiểm tại AB (bút lục 68). Nên đủ căn cứ xác định, bà H biết tại mục 15.1 Điều 15 Chương VII Quy tắc Bảo an tín dụng (bút lục 113) có quy định "*Giảm trừ 10% số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp thông báo sự kiện bảo hiểm quá thời gian quy định tại Mục 12.1 Điều 12 Quy tắc bảo hiểm*

này” (trừ trường hợp có lý do chính đáng); dẫn chiếu đến mục 12.1 Điều 12 Chương VI Quy tắc Bảo an tín dụng thì “*Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo ngay cho AB và trong vòng 30 ngày phải thông báo bằng văn bản (theo mẫu của AB) trừ trường hợp có lý do chính đáng*”. Ông A chết ngày 26-3-2019, đến ngày 15-7-2019 bà H mới nộp giấy yêu cầu bảo hiểm chi trả tiền, như vậy quá 79 ngày nộp yêu cầu theo quy định của AB tại Quy tắc Bảo an tín dụng, nên AB trừ 10% quyền lợi bảo hiểm là đúng theo thỏa thuận đã ký với ông A. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà H về: AB thanh toán quyền lợi bảo hiểm không trừ 10%.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Võ Thị Thu H, quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.;

[7] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003674 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 14, 17 của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 29 của Luật Giám định Tư pháp; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thu H.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” về việc buộc Công ty C trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền 38.454.325 đồng (*ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C về việc hỗ trợ cho bà Võ Thị Thu H số tiền 3.535.000 đồng (*ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

3. Bà Võ Thị Thu H phải chịu chi phí giám định là 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Công ty C đã nộp tạm ứng số tiền 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) nên bà Võ Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty C số tiền 1.160.000 đồng (*một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.922.716 đồng (*một triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm mười sáu đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006432 ngày 15-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; bà H còn phải nộp thêm số tiền 872.983 đồng (*tám trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng*).

- Công ty C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003674 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi Cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

